

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 370 thí sinh, hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 23/7/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Miền Trung, địa chỉ: phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Cao Thanh Tĩnh, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập

biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
- Đ/c PGĐ Phụ trách
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lưu).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẠC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1672/QĐ-PC08 ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	PHAN HỮU ÁI	10/03/1974	*****76	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5150
2	HOÀNG THỊ TÚ ANH	25/01/2007	*****85	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		4077
3	NGUYỄN THỊ THÙY ANH	16/03/1993	*****06	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5288
4	LÊ VĂN TUẤN ANH	30/07/1995	*****98	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2290
5	TRẦN VĂN ANH	07/06/1999	*****11	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3632
6	PHẠM VĂN ANH	15/10/1976	*****73	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3722
7	NGUYỄN THỊ HUỆ ÁNH	10/08/2003	*****44	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5323
8	LÊ VĂN ÁNH	08/04/2003	*****30	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2615
9	CAO GIA BẢO	14/10/2007	*****21	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4099
10	PHẠM GIA BẢO	08/03/2008	*****05	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3594
11	LÊ QUỐC BẢO	03/10/1998	*****73	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	2638
12	NGÔ NGỌC BẢY	10/08/1994	*****07	Xã Phú Lộc, Thành Phố Huế	x		3290
13	HOÀNG THỊ BÉ	10/06/1988	*****70	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5289
14	TRẦN NGỌC BÌNH	18/01/1983	*****71	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		2652
15	LÊ KHẮC BÌNH	10/01/1994	*****03	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3350

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	ĐÀO DUY BÌNH	09/10/2004	*****63	Xã Ninh Giang, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	3723
17	LÔ THỊ CẢNH	18/09/1986	*****25	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5324
18	THÁI VĂN CÔNG	01/10/1980	*****21	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		005
19	LÊ VĂN CÔNG	10/01/1987	*****54	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3217
20	NGUYỄN TRỌNG CÔNG	12/06/2000	*****05	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x		3596
21	NGUYỄN HỮU CÔNG	16/05/2001	*****41	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3308
22	ĐẶNG ĐỨC CƯỜNG	25/05/1979	*****42	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5103
23	LÊ CAO CƯỜNG	10/04/1982	*****64	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3483
24	PHAN VĂN CƯỜNG	16/12/1987	*****61	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3725
25	VÕ THỊ CHANH	15/04/1996	*****58	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4905
26	LÊ VĂN CHIẾN	10/01/1973	*****58	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4071
27	PHẠM XUÂN CHIẾN	01/10/2005	*****49	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		4826
28	PHAN THỊ CHIẾN	29/08/2002	*****36	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		4936
29	LÊ VIỆT CHIẾN	07/03/2000	*****54	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3091
30	NGUYỄN VĂN CHIẾN	12/05/1987	*****91	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3187
31	LÊ THỊ THỰC CHINH	16/08/1997	*****17	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	496
32	TRẦN VĂN CHÍNH	12/09/1994	*****67	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3595

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	NGUYỄN VĂN CHUNG	15/06/1987	*****20	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3724
34	HỒ THỊ CHUYỀN	18/11/1990	*****96	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4937
35	VĂN TIẾN CHUÔNG	27/02/1986	*****38	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		222
36	PHẠM XUÂN DANH	24/06/1969	*****04	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		4938
37	TRẦN TUẤN DANH	08/10/1989	*****79	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5290
38	NGUYỄN THÀNH DANH	27/01/1999	*****61	Xã Long Điền, Tỉnh An Giang	x	A1	3728
39	TRẦN THỊ DIỆP	02/04/1987	*****52	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5327
40	NGUYỄN VĂN DUẤN	12/03/1993	*****87	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5328
41	HỒ THỊ DUNG	20/05/1987	*****34	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		1106
42	HỒ THỊ DUNG	08/03/1977	*****90	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		3520
43	NGUYỄN SỸ TUẤN DỪNG	05/01/2004	*****49	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1436
44	NGUYỄN TIẾN DỪNG	07/07/1977	*****50	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2210
45	CAO XUÂN DỪNG	30/10/2001	*****90	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3675
46	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	25/02/1998	*****16	Xã Thuận Hạnh, Tỉnh Lâm Đồng	x	A1	5329
47	VÕ VĂN DƯƠNG	13/10/1984	*****42	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		3094
48	NGUYỄN DUY ĐẠI	29/09/2000	*****85	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		3726
49	LÔ VI ĐAN	23/08/2007	*****37	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x		3328

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	TRẦN VĂN ĐAN	10/07/1990	*****57	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3727
51	THÁI THỊ ĐÀO	08/09/2000	*****85	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5291
52	NGUYỄN VĂN ĐẠT	15/05/2007	*****63	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5372
53	LÊ TIẾN ĐẠT	16/10/2006	*****63	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5326
54	ĐẬU QUỐC ĐẠT	29/06/2004	*****98	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	1857
55	BÙI LÊ TIẾN ĐẠT	15/12/2006	*****39	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3319
56	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	02/11/2003	*****75	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		3623
57	PHAN BÁ ĐẠT	10/01/1999	*****67	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2973
58	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	01/02/1999	*****26	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5325
59	CHU VĂN ĐỊNH	23/06/1989	*****94	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		3542
60	HOÀNG VĂN ĐOÀN	01/07/1983	*****51	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3647
61	PHẠM THỊ ĐÔNG	24/10/1992	*****29	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5382
62	TRẦN ĐĂNG ĐÔNG	12/09/1988	*****02	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3599
63	VI VĂN ĐÔNG	24/10/1989	*****08	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2950
64	LÊ VĂN ĐỨC	17/11/1996	*****16	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3628
65	LÊ TRUNG ĐỨC	12/08/2003	*****53	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3571
66	HOÀNG VĂN ĐỨC	19/03/1998	*****54	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3755

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	30/04/2001	*****92	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3757
68	LÂM ANH ĐỨC	29/10/2003	*****9	Xã Tân Thanh, Tỉnh Tuyên Quang	x	A1	3729
69	ĐUỜNG CÔNG ĐỨC	12/04/1995	*****47	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2933
70	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	02/12/2003	*****15	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3042
71	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	13/04/1998	*****65	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4829
72	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	13/05/1999	*****21	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5054
73	CHU THỊ TRÀ GIANG	02/10/1982	*****48	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		5330
74	TRƯƠNG THỊ THANH GIANG	26/09/1979	*****15	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		166
75	PHAN THỊ GIANG	01/01/1989	*****42	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3488
76	LIÊU THỊ HƯƠNG GIANG	01/12/1986	*****09	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3730
77	HOÀNG THỊ HÀ	21/12/2002	*****72	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		5099
78	TRẦN THỊ HÀ	19/04/2001	*****90	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5055
79	TRƯƠNG THỊ HÀ	25/08/1999	*****97	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5056
80	NGUYỄN THỊ HÀ	22/03/1994	*****47	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5366
81	HOÀNG VĂN HÀ	16/04/1971	*****25	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5292
82	VŨ THỊ HÀ	10/10/1985	*****58	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		5293
83	NGUYỄN THỊ HÀ	03/11/1998	*****56	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5331

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	NGUYỄN SON HÀ	18/05/1980	*****80	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3573
85	TRẦN THỊ HÀ	02/08/1988	*****09	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3731
86	PHẠM THỊ HẢI	03/10/1986	*****68	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3096
87	PHẠM VĂN HẢI	09/12/1983	*****41	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		3759
88	PHAN VĂN HẠNH	20/06/1976	*****96	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		1066
89	LÔ THỊ HẠNH	13/07/1982	*****37	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5058
90	TRƯƠNG VĂN HẠNH	18/05/1982	*****60	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		3294
91	PHẠM THỊ HẰNG	03/05/1996	*****52	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4833
92	NGUYỄN THỊ HẰNG	21/10/1988	*****60	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		5134
93	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	04/04/1998	*****09	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5141
94	VÕ THỊ THÚY HẰNG	20/10/1994	*****37	Xã Hương Đô, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5191
95	ĐẶNG THỊ HẰNG	09/02/1989	*****83	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5294
96	ĐINH THỊ HẰNG	10/10/2001	*****49	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5295
97	KIM THỊ HẰNG	11/01/1996	*****16	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		3732
98	VI THỊ HẰNG	24/11/1998	*****24	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3733
99	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	20/09/2007	*****72	Xã Đồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4781
100	TRẦN CÔNG HẬU	18/07/1997	*****64	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3545

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	NGUYỄN VĂN HẬU	20/01/2004	*****81	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3760
102	THÁI THỊ HIỀN	10/02/1984	*****16	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5255
103	NGUYỄN THỊ MAI HIỀN	16/06/2004	*****61	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5363
104	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	10/10/1995	*****03	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5296
105	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	25/08/2003	*****53	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3547
106	PHẠM THỊ HIẾU	12/05/1989	*****59	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3097
107	TẠ VĂN HIẾU	18/04/1991	*****89	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3603
108	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	15/03/2007	*****19	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3310
109	NGUYỄN THỊ HOA	20/08/1992	*****19	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5100
110	HỒ THỊ HOA	01/06/1995	*****20	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5297
111	TRƯƠNG THỊ HOA	15/10/1988	*****10	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		3517
112	TRẦN VĂN HÒA	12/10/1980	*****30	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3377
113	NGUYỄN ĐÌNH VINH HÒA	10/12/2005	*****28	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3604
114	PHAN THỊ HOÀI	23/05/1995	*****34	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3125
115	TRẦN ĐÌNH HOÀI	12/03/1982	*****94	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		3576
116	LÊ THỊ HOAN	06/11/1996	*****77	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3197
117	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	08/01/2007	*****52	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3273

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	LÔ HUY HOÀNG	03/01/2002	*****82	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5135
119	NGUYỄN SỸ HUY HOÀNG	29/02/2004	*****21	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		1150
120	LÊ THANH HOÀNG	31/10/2007	*****73	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		2472
121	KIM THỊ HÒE	24/03/1990	*****69	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	322
122	TRẦN THỊ KIM HỒNG	11/03/1996	*****70	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5060
123	LÔ THỊ HUẾ	24/07/1991	*****29	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5110
124	THÁI THỊ HUẾ	05/01/1995	*****36	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2938
125	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/04/1995	*****82	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Am	5298
126	NGUYỄN VIỆT HÙNG	20/03/1994	*****96	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5299
127	TRẦN XUÂN HUY	05/11/1994	*****37	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3605
128	PHẠM GIA HUY	12/03/2005	*****66	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3641
129	NGUYỄN THỊ HUYỀN	16/08/1996	*****37	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		2622
130	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	21/07/2007	*****63	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3501
131	BÙI THỊ THANH HUYỀN	26/05/2004	*****58	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5383
132	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	24/06/1982	*****70	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5301
133	NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/10/2000	*****86	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5334
134	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	20/01/1981	*****13	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	284

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	LÊ VĂN HUỲNH	06/12/1991	*****90	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3712
136	PHAN TIẾN HÙNG	18/09/2006	*****4	Phường Phương Liệt, Thành Phố Hà Nội	x	A1m	5300
137	HỒ VĂN HÙNG	12/01/1989	*****67	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3758
138	ĐẶNG TRỌNG HÙNG	07/10/1991	*****72	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3734
139	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/06/1980	*****57	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4632
140	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	22/11/1986	*****29	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		4976
141	ĐẶNG ĐIỀU HƯƠNG	12/01/2006	*****17	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5332
142	LÊ THỊ HƯỜNG	01/09/1989	*****08	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5333
143	NGUYỄN THẾ HƯỚNG	19/12/1994	*****30	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2940
144	BÙI ĐÌNH KIỂM	03/02/1996	*****45	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3735
145	TRẦN CAO KIÊN	19/08/2003	*****99	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5026
146	TRẦN CHÍ KIÊN	18/01/2006	*****40	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3529
147	NGUYỄN HỮU KIÊN	23/05/2003	*****27	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5120
148	HỒ VĂN KIÊN	16/10/1991	*****12	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		5302
149	NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/06/1999	*****04	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2663
150	NGUYỄN VIỆT KIÊN	25/05/2007	*****23	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		3634
151	HỒ DIỄN KIÊN	09/09/1998	*****22	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3681

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	HOÀNG PHÚC KHÁNH	10/04/2005	*****16	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	27963
153	LO VĂN KHOA	28/07/1986	*****13	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x		3624
154	ĐẶNG ANH KHOA	30/07/2007	*****56	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		3535
155	PHAN VĂN KHOÁI	16/08/2005	*****19	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3331
156	LÊ SỸ KHÔI	06/08/2006	*****18	Xã Hương Bình, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3651
157	CAO THỊ KHƯƠNG	16/09/1979	*****95	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		4767
158	TRẦN THỊ LÀI	10/09/1997	*****69	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5373
159	NGUYỄN THỊ LAN	13/03/1986	*****18	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4779
160	LÔ THỊ LAN	20/07/1991	*****96	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		5335
161	CAO ĐỨC LÂM	10/09/1991	*****98	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		3736
162	LƯƠNG THỊ LÂM	25/11/1986	*****46	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3737
163	NGUYỄN THỊ HOA LÊ	17/08/1983	*****00	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4391
164	LÊ CÔNG LIÊM	08/09/1988	*****88	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5063
165	TRẦN THỊ LIÊN	20/02/1990	*****81	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		4502
166	TRẦN THỊ LIÊN	10/09/1990	*****47	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3607
167	NGUYỄN KHÁNH LINH	20/03/2007	*****91	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3590
168	LÊ THỊ HOÀI LINH	16/09/1996	*****63	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		5105

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	NGUYỄN KHÁNH LINH	28/01/2004	*****60	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5362
170	LÂM NGỌC LINH	12/12/1993	*****94	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5367
171	PHẠM KHÁNH LINH	21/06/2006	*****07	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5231
172	KIỀU THỊ TÚ LINH	05/01/2008	*****92	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5384
173	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	14/01/1998	*****46	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5385
174	NGÂN THỊ LINH	03/12/1988	*****90	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5336
175	LÊ THỊ LINH	12/07/1998	*****48	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3325
176	LÊ QUANG LINH	17/09/2006	*****13	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3738
177	DƯƠNG VĂN LINH	30/07/1985	*****35	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		2915
178	LÊ VĂN LINH	08/02/2007	*****54	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3643
179	ĐINH HOÀNG LONG	17/03/2005	*****99	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5065
180	CAO THÀNH LONG	24/02/2007	*****92	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3739
181	NGUYỄN VĂN LỢI	25/08/1998	*****16	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3608
182	NGÔ ĐỨC LỢI	20/01/1992	*****91	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3045
183	NGUYỄN ĐÌNH LUÂN	27/03/1991	*****93	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		
184	NGUYỄN THẾ LỤC	24/09/1989	*****04	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3761
185	NGUYỄN THẾ LUYẾN	13/11/1987	*****94	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3083

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	ĐÀO THỊ LƯƠNG	18/10/1981	*****63	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5356
187	LÔ VĂN LƯỢNG	07/03/1996	*****68	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3609
188	TRẦN TIỂU LY	22/05/1991	*****54	Xã Việt An, Thành Phố Đà Nẵng	x	A1	5337
189	LÔ THỊ LY	01/04/1993	*****21	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3740
190	ĐẶNG THANH MAI	25/05/1982	*****65	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		1944
191	NGUYỄN THẾ MẠNH	19/07/1998	*****09	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3426
192	KHA THỊ MÂY	20/02/1985	*****10	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		5067
193	TRẦN NHẬT MINH	06/12/2004	*****63	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5096
194	TRẦN THỌ MINH	20/05/1983	*****23	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5129
195	NGUYỄN THỊ HÀ MY	19/12/1997	*****46	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		4800
196	NGUYỄN ĐAN MY	20/07/2006	*****48	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5303
197	TRẦN THỊ MỸ	20/07/1987	*****18	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5304
198	PHẠM XUÂN MỸ	10/10/1984	*****43	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3494
199	LÊ HOÀI NAM	15/12/1986	*****26	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3741
200	ĐẬU VĂN NAM	23/08/2002	*****64	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3365
201	NGUYỄN VIỆT NAM	06/12/1986	*****30	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		3520
202	HOÀNG VĂN NĂNG	25/02/1979	*****48	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		3635

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	TRẦN THỊ NGÀ	12/06/1991	*****97	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		5338
204	TRẦN THU NGÂN	06/12/1992	*****04	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5106
205	DƯƠNG HỒNG NGÂN	11/11/2007	*****81	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5374
206	NGUYỄN THỊ NGÂN	18/01/2006	*****92	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5339
207	LÊ XUÂN NGHĨA	19/04/1985	*****97	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		5040
208	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/03/2000	*****33	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3371
209	NGUYỄN BÍCH NGỌC	18/10/2003	*****00	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1972
210	NGUYỄN BẢO NGỌC	17/08/2001	*****17	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5042
211	NGUYỄN THỊ NGỌC	15/12/1982	*****09	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		5069
212	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	04/06/1993	*****14	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5305
213	THÁI BÌNH BẢO NGỌC	03/04/2007	*****64	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5340
214	LA VĂN NGỌC	03/02/1989	*****00	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3582
215	THÁI THỊ NGỌC	04/12/1985	*****77	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		3742
216	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	02/08/1992	*****40	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		2641
217	HÀP THỊ KIM NGUYÊN	16/12/1997	*****07	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5341
218	HÀ THỊ NGUYỆT	14/06/1986	*****53	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5202
219	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	09/11/1999	*****60	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		5386

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	NGŨ THỊ NGUYỆT	11/12/1973	*****29	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		5306
221	NGUYỄN THỊ NHÂM	09/08/1996	*****61	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		3549
222	NGUYỄN XUÂN NHẬT	11/02/2002	*****94	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3359
223	BÙI TRẦN HẠNH NHI	27/12/2003	*****82	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5307
224	HOÀNG THỊ YẾN NHI	15/11/1998	*****23	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5308
225	LÂM THỊ NHO	24/04/1993	*****59	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		5369
226	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	10/04/1982	*****58	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		3134
227	LƯƠNG KIM PHONG	20/10/2002	*****02	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3762
228	NGUYỄN KIM PHÚ	23/04/2006	*****30	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		3522
229	SỖ DẪNH PHÚC	22/02/2003	*****84	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5309
230	NGUYỄN VĂN PHÚC	01/07/1990	*****59	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3743
231	PHẠM VĂN PHÙNG	08/01/1992	*****79	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	2687
232	NGUYỄN PHAN MAI PHƯƠNG	15/11/2006	*****50	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5093
233	PHẠM HÀ PHƯƠNG	10/08/2005	*****48	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5359
234	TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/06/1999	*****77	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5364
235	LÊ THỊ PHƯỢNG	05/09/1978	*****34	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3210
236	NGUYỄN NHẬT QUANG	14/08/2004	*****25	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1947

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	NGÂN NHẬT QUANG	06/12/1996	*****35	Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An	x		2782
238	THÁI MINH QUÂN	02/01/2008	*****79	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5107
239	NGUYỄN VĂN QUÂN	08/12/1990	*****55	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5114
240	HOÀNG NGỌC QUÂN	02/04/1995	*****93	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3613
241	NGUYỄN MINH QUÂN	09/08/2001	*****82	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3664
242	NGUYỄN TRỌNG QUÂN	10/12/2006	*****59	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		3744
243	TRẦN VĂN QUÝ	13/01/2004	*****50	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3068
244	PHAN ĐÌNH QUÝ	18/03/1993	*****09	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3745
245	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	23/07/1995	*****06	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3524
246	TRẦN THỊ QUỲNH	10/10/1987	*****70	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5108
247	XÊNH THỊ THÚY QUỲNH	09/10/1997	*****23	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5375
248	TRẦN DANH SÁNG	09/06/2008	*****18	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		3279
249	LÊ DUY SÁNG	07/12/1972	*****04	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		3412
250	LÊ THỊ SÂM	12/09/1995	*****11	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4730
251	THÁI THỊ SEN	02/07/1982	*****61	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		5256
252	CAO THỊ QUỲNH SEN	20/12/1994	*****06	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3746
253	HOÀNG THỊ SOA	23/10/1998	*****89	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4926

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	NGUYỄN THÁI SƠN	01/10/2000	*****22	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	2064
255	HỒ SỸ SƠN	19/12/1992	*****28	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5278
256	TRẦN VĂN SƠN	28/07/1994	*****59	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		5310
257	PHẠM NGỌC SƠN	18/03/1984	*****12	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		5342
258	HOÀNG SƠN	13/12/1982	*****79	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		3747
259	NGUYỄN KIM TRƯỜNG SƠN	10/10/2002	*****89	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		2812
260	NGUYỄN THỊ MAI SƯƠNG	05/06/2002	*****32	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4813
261	ĐẶNG QUỐC SỸ	24/05/1986	*****32	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		3337
262	NGUYỄN ANH TÀI	02/06/1985	*****33	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3585
263	ĐẬU THỊ TÂM	07/01/1984	*****42	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	3388
264	LÊ THỊ THANH TÂM	13/05/2005	*****88	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3758
265	BÙI THỊ KHÁNH TÂM	22/09/1996	*****69	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4991
266	HOÀNG QUỐC TRUNG TÂN	10/03/1995	*****8	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		3653
267	NGUYỄN VĂN MẠNH TIẾN	03/05/2007	*****09	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		3971
268	TRẦN HỮU TIẾN	08/08/1978	*****45	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		4898
269	LÊ KHÁNH TOÀN	12/12/1967	*****63	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5079
270	TRẦN ĐỨC TOÀN	01/04/2007	*****10	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		3064

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	PHẠM THỊ TOÀN	14/03/1981	*****50	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3748
272	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	10/08/1993	*****34	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3485
273	NGUYỄN DƯƠNG CẨM TÚ	30/04/2004	*****44	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4366
274	CÙ CẨM TÚ	22/08/2006	*****72	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5360
275	CAO THỊ TÚ	26/08/1999	*****05	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4902
276	NGUYỄN MINH TÚ	26/03/1994	*****46	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5349
277	TRẦN LÊ QUANG TUẤN	17/10/2005	*****72	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3100
278	NGUYỄN DANH TUẤN	01/08/2007	*****37	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3292
279	LÊ VĂN TUẤN	03/07/1987	*****89	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3229
280	PHẠM XUÂN TUẤN	21/05/2001	*****94	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3510
281	NGUYỄN CÔNG TUẤN	24/10/1992	*****31	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3587
282	NGUYỄN KHẮC TUẤN	07/06/1994	*****80	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3756
283	CAO HỮU TUẤN	03/12/1995	*****61	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3237
284	NGUYỄN MINH TUỆ	02/01/1974	*****01	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3752
285	HOÀNG VĂN TÙNG	29/11/1990	*****15	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3590
286	VÕ ĐÌNH TUYỀN	01/08/1999	*****65	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3753
287	VƯƠNG THỊ TUYẾT	11/03/1993	*****23	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		5081

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	PHAN THỊ TUYẾT	27/01/1993	*****25	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5350
289	HỒ THỊ TUYẾT	08/06/1985	*****52	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3591
290	THÁI ĐẮC TỰ	14/03/1986	*****22	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3750
291	VI THỊ TỨ	18/02/1989	*****36	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	3751
292	NGUYỄN TRỌNG THẠCH	01/02/1991	*****41	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		3638
293	NGUYỄN ĐỨC THÁI	10/11/1997	*****5	Xã Quang Thành, Tỉnh Nghệ An	x		4436
294	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	21/05/1982	*****89	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5311
295	TRẦN VĂN THÁI	01/03/1990	*****88	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		3754
296	PHẠM HOÀNG THÁI	30/01/2004	*****08	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3617
297	BÙI ĐỨC THÁI	10/02/2001	*****86	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x		3616
298	NGUYỄN VÕ THÁI	24/04/1993	*****39	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3050
299	VÕ THỊ THANH	15/01/1986	*****82	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		5343
300	LƯƠNG THỊ THANH	25/12/1979	*****23	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		2307
301	HÀ VĂN THÀNH	19/05/1976	*****21	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5312
302	LÊ THỊ THÀNH	06/04/1993	*****61	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5313
303	NGUYỄN TÀI THÀNH	12/09/1972	*****71	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		1937
304	THÁI THỊ PHƯƠNG THẢO	09/05/2006	*****13	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		3287

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	NGUYỄN THỊ THẢO	10/10/1991	*****91	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5370
306	HOÀNG THỊ THẢO	25/07/1990	*****20	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3073
307	TRẦN THỊ THẨM	03/02/1996	*****30	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5075
308	PHAN THỊ THIỀM	24/07/1988	*****29	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		2246
309	TRẦN ĐỨC THIỆN	06/05/2007	*****97	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3061
310	LÊ NGUYỄN THỊNH	01/01/2007	*****32	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		4390
311	CAO VĂN THỊNH	25/07/2007	*****59	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5314
312	PHẠM VĂN THỎA	13/08/1997	*****44	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		5365
313	TRẦN CÔNG THÔNG	29/10/2004	*****99	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3141
314	LƯƠNG VĂN THÔNG	05/09/2001	*****65	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3354
315	HÀ VĂN THƠM	22/08/1999	*****63	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		3655
316	NGUYỄN THANH THUẬN	13/11/1976	*****13	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3183
317	VÕ THỊ THỦY	29/09/1992	*****20	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5280
318	ĐÀO THỊ LỆ THỦY	10/08/1991	*****91	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5345
319	TRẦN THỊ THỦY	26/10/1996	*****39	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3639
320	NGUYỄN VĂN THỨC	20/08/1988	*****14	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3552
321	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	12/08/2005	*****25	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		3969

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	10/12/2001	*****32	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		4381
323	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/07/1990	*****87	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		5358
324	PHẠM THỊ THƯƠNG	14/04/1992	*****65	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5376
325	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	20/10/2002	*****26	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5315
326	LÊ THỊ THƯƠNG	08/02/1999	*****48	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5344
327	LÂM NGỌC TRÀ	28/09/1991	*****49	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5377
328	NGUYỄN THANH TRÀ	02/02/2003	*****49	Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5387
329	NGUYỄN THỊ LINH TRÀ	28/09/2000	*****94	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5316
330	HÀ THỊ THU TRANG	23/06/2006	*****13	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		5214
331	LÂM THU TRANG	28/09/1986	*****20	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		5378
332	MAI THỊ TRANG	06/11/1991	*****34	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5318
333	LÊ THỊ THU TRANG	01/09/1993	*****63	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5347
334	NGUYỄN THỊ THU TRANG	25/07/1997	*****34	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5348
335	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	05/08/2001	*****16	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3749
336	HOÀNG THỊ NGỌC TRÂM	26/07/2001	*****24	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5109
337	PHẠM THỊ TRÂM	22/03/2002	*****08	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	5317
338	ĐÀO THỊ TRÂM	24/02/2002	*****03	Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1m	5346

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	ĐINH THỊ KIỀU TRINH	04/09/1999	*****02	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5287
340	TÔ BÁ TRỌNG	01/01/1995	*****56	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5379
341	NGUYỄN VĂN TRỌNG	01/09/1996	*****21	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1993
342	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	22/12/1995	*****86	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4954
343	TRẦN KIM TRUNG	09/10/1972	*****32	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		5264
344	TRẦN MINH TRUNG	13/05/2007	*****50	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x		3698
345	NGUYỄN VĂN TRUNG	05/05/1985	*****11	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3200
346	NGUYỄN VĂN TRỮ	10/02/1992	*****75	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		5319
347	NGUYỄN XUÂN TRỰC	02/12/1977	*****05	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3066
348	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	18/05/1981	*****34	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		4804
349	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	13/01/2008	*****65	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		5361
350	HOÀNG QUỐC TRƯỜNG	01/05/1990	*****61	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		3509
351	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	09/06/2005	*****68	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		3726
352	LÊ THỊ TÚ UYÊN	18/02/2005	*****80	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5320
353	NGUYỄN THỊ VÂN	06/10/1973	*****83	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4705
354	NGUYỄN THỊ VÂN	08/10/1997	*****80	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		4930
355	HỒ THỊ VÂN	06/02/1987	*****10	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5321

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	NGUYỄN KHÁNH VÂN	30/03/2005	*****35	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5322
357	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	28/09/1990	*****46	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5351
358	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	29/01/1976	*****70	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		2373
359	NGUYỄN XUÂN TRÍ VIỄN	31/05/2002	*****76	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5355
360	THÁI BÁ VINH	28/03/2005	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	3041
361	QUÁCH VĂN VƯỢNG	08/09/1991	*****92	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5352
362	HOÀNG THỊ THẢO VY	13/05/2002	*****00	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	3568
363	NGUYỄN DOÃN YẾN VY	24/11/2003	*****68	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5371
364	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/01/1978	*****65	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4653
365	NGUYỄN THỊ XUÂN	04/08/1993	*****55	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4958
366	LÔ THỊ XUÂN	19/01/1979	*****08	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5380
367	NGÔ THỊ XUÂN	06/07/1982	*****18	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5353
368	VÕ NHƯ Ý	06/09/2001	*****09	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	3621
369	HỒ THỊ HẢI YẾN	20/05/1997	*****78	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	5149
370	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	28/05/2006	*****86	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5381